

Số: 265 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động
tại Tổng Công ty Cổ phần Phát triển khu công nghiệp

Thực hiện Quyết định số 424/QĐ-TTr ngày 25/10/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 04/11/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Tổng Công ty Cổ phần Phát triển khu công nghiệp; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 12/11/2024, báo cáo giải trình ngày 20/11/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Tổng Công ty Cổ phần Phát triển khu công nghiệp (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Địa chỉ trụ sở chính: số 1 Đường 1, khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600335363 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06/5/2021.

- Ngành nghề: kinh doanh bất động sản công nghiệp và dân dụng; xây dựng và vật liệu xây dựng; dịch vụ hỗ trợ; cung cấp nước.

- Số điện thoại: 02518860561; Fax: 0251.8860573.

- Số tài khoản: 1115000013168, mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Biên Hòa.

- Tổng số chi nhánh: 01.

- Tổng số người đang làm việc tại doanh nghiệp: 56 người.

- Tổ chức công đoàn cơ sở: đã thành lập.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động theo quy định.

- Đã báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Doanh nghiệp tự tuyển dụng người lao động.

- Số người lao động tuyển dụng trong thời kỳ thanh tra: 04 người.

h



- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.
- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.
- Việc ký kết hợp đồng đào tạo với người lao động, người học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp: không phát sinh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

3.1. Giao kết hợp đồng lao động

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 0 người.
- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 56 người.
- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 56 người, trong đó:
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 48 người.
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 36 tháng: 08 người.
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng: 0 người.
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.
 - + Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian: 0 người.
- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

Kiểm tra 05 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động (các ông, bà: Nguyễn Thị Nga, Huỳnh Thái Dĩ, Đặng Hiền Thảo, Hoàng Thị Thùy Minh, Nguyễn Duy Hoàng) mục công việc phải làm ghi “làm các công việc khác phù hợp với năng lực, khi Tổng Công ty có yêu cầu và người lao động đồng ý”.

3.2. Việc thực hiện chế độ đối với người lao động mất việc, thôi việc

- Số lao động bị mất việc làm: không phát sinh.
- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc: không phát sinh.
- Số lao động thôi việc: 04 người, trong đó: 03 người đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc đã được doanh nghiệp trả số tiền là 71.412.500 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể (sau đây viết tắt là TULĐTT)

- Năm 2023, 2024: doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại định kỳ kết hợp với hội nghị toàn thể người lao động. Biên bản hội nghị toàn thể người lao động có nội dung đối thoại, nhưng không ghi cụ thể diễn biến đối thoại thành biên bản đối thoại. Hồ sơ đối thoại định kỳ không thể hiện các bên có trách nhiệm gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại trước ngày đối thoại 05 ngày làm việc; trong thời kỳ thanh tra tại doanh nghiệp không phát sinh vụ việc hoặc yêu cầu phải đối thoại.

- Doanh nghiệp đã ký TULĐTT ngày 02/02/2024 (thời hạn 03 năm) với nhiều nội dung có lợi cho người lao động hơn quy định của pháp luật và đã gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai ngày 05/02/2024.

- Doanh nghiệp đã ban hành Quy chế dân chủ cơ sở (ban hành kèm theo Quyết định số 118/QĐ-SNZ-BCV ngày 20/5/2021 của Tổng giám đốc), nhưng chưa sửa đổi, bổ sung các nội dung mới theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, cụ thể:

+ Tại Điều 5 về nội dung người sử dụng lao động phải công khai, thiếu các nội dung: quy chế thực hiện dân chủ của doanh nghiệp, các nội dung khác về thông tin tài chính, quản lý tài sản công, về công tác cán bộ theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp so với quy định tại Điều 64 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

+ Tại Điều 6 về hình thức công khai, thiếu các hình thức: thông báo bằng văn bản đến toàn thể người lao động; thông qua người phụ trách các đơn vị, bộ phận của doanh nghiệp để thông báo đến người lao động so với quy định tại Điều 65 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

+ Tại Điều 7 về nội dung người lao động được tham gia ý kiến, thiếu các nội dung: dự thảo quy trình, thủ tục nội bộ về giải quyết tranh chấp lao động, xử lý kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất và các nội dung khác liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động mà doanh nghiệp thấy cần tham khảo ý kiến; dự thảo quy chế thực hiện dân chủ của doanh nghiệp; những nội dung người lao động tham gia ý kiến theo đề nghị của tổ chức đại diện người lao động (nội dung, hình thức thỏa ước lao động tập thể, nội dung, hình thức đối thoại tại doanh nghiệp nhà nước) so với quy định tại Điều 71 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 4.960.000 đồng/tháng.
- Thu nhập thấp nhất của người lao động: 7.900.000 đồng/tháng; thu nhập cao nhất của người lao động: 88.900.000 đồng/tháng.
- Hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian (theo tháng).
- Phương pháp trả lương: trả qua tài khoản ngân hàng. Người sử dụng lao động trả chi phí mở tài khoản và chuyển tiền lương.
- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động (Quyết định số 151/QĐ-SNZ-NS ngày 15/8/2022 của Hội đồng quản trị).
- Việc trả tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm: kiểm tra bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương tháng 4/2024, có 04 người lao động làm việc vào ngày nghỉ hằng tuần được trả bằng 200% tiền lương ngày làm việc bình thường; tiền lương làm việc vào ban đêm: không phát sinh.
- Đã trả lương ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định.
- Đã thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động thôi việc theo quy định.
- Tiền lương ngừng việc: không phát sinh.
- Việc khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh.
- Đã hỗ trợ tiền ăn ca mức: 35.000 đồng đến 45.000 đồng/người/ngày.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp áp dụng thời giờ làm việc 7,5 giờ/ngày, 37,5 giờ/tuần (ngày nghỉ hằng tuần là ngày thứ bảy và chủ nhật).
- Doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm không vượt quá số giờ quy định (kiểm tra bảng chấm công tháng 04/2024, người làm thêm giờ nhiều nhất là 30 giờ/tháng).
- Việc thực hiện các quy định về nghỉ ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng: thực hiện theo quy định.
- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc bình thường: 12 ngày/năm (chưa tính thâm niên).

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Doanh nghiệp đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai. Nội quy lao động quy định hình thức xử lý kỷ luật lao động sa thải khi cán bộ, nhân viên tiết lộ bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nhưng không quy định danh mục tài sản, tài liệu, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp; chưa quy định người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động.
- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động: không phát sinh.
- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.
- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 29 người.
- Thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ:
 - + Không sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
 - + Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.
 - + Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.
 - + Chưa giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.
 - + Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại và tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại và tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Doanh nghiệp không sử dụng lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Đã bố trí ông Mai Tấn Phát, trình độ kỹ sư kỹ thuật công nghiệp, đủ điều kiện làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ bán chuyên trách.

- Đã ký hợp đồng dịch vụ y tế với Công ty TNHH Một thành viên Bệnh viện đại học Y dược Shing Mark để chăm sóc sức khỏe và sơ cứu, vận chuyển cấp cứu cho người lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không xảy ra tai nạn lao động.

- Doanh nghiệp không sử dụng các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Năm 2023, 2024 doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định.

11. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN)

- Số người thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 55 người; số người không thuộc đối tượng phải tham gia: 01 người (ông Đỗ Tất Thoan tham gia tại đơn vị khác; doanh nghiệp đã trả thêm cùng lúc với kỳ trả lương một khoản tiền tương đương với mức người sử dụng lao động đóng BHXH, BHTN, BHYT cho người lao động).

- Số người đã tham gia: 55 người; số người chưa tham gia: 0 người.

- Số tiền chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN tại thời điểm thanh tra: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động theo quy định.

1.2. Đã báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.

1.3. Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.

1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.6. Đã trả trợ cấp thôi việc cho 03 người lao động đủ điều kiện hưởng với số tiền là 71.412.500 đồng.

1.7. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.8. Đã gửi TULĐTT đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.9. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.

1.10. Trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu; người sử dụng lao động trả chi phí mở tài khoản và chuyển tiền lương cho người lao động.

1.11. Đã trả lương ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định.

1.12. Đã thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động thôi việc theo quy định.

1.13. Đã hỗ trợ bữa ăn ca cho người lao động mức 35.000 đồng đến 45.000 đồng/người/ngày.

1.14. Đã thực hiện các quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ hằng năm, nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

1.15. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.16. Đã thực hiện một số quy định riêng đối với lao động nữ.

1.17. Đã bố trí người đủ điều kiện làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

1.18. Đã ký hợp đồng với cơ sở y tế đủ điều kiện để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

1.19. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định.

1.20. Đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.21. Đã trích đóng đầy đủ tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho cơ quan BHXH.

2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Nội dung của hợp đồng lao động (mục công việc phải làm) ghi: “làm các công việc khác phù hợp với năng lực, khi Tổng Công ty có yêu cầu và người lao động đồng ý” là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.2. Hồ sơ tổ chức đối thoại định kỳ không thể hiện các bên có trách nhiệm gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại trước 05 ngày làm việc; diễn biến đối thoại không được ghi thành biên bản theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 39 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính

phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.3. Nội quy lao động quy định hình thức xử lý kỷ luật lao động sa thải khi người lao động tiết lộ bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nhưng không quy định danh mục tài sản, tài liệu, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp theo điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; không quy định người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động theo điểm i khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động.

2.4. Chưa giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.5. Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp chưa sửa đổi, bổ sung Quy chế dân chủ ở cơ sở (ban hành kèm theo Quyết định số 118/QĐ-SNZ-BCV ngày 20/5/2021 của Tổng giám đốc) đối với các nội dung mới theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2023).

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 310/QĐ-XPHC ngày 13/11/2024 xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp với tổng số tiền xử phạt là 15.000.000 đồng.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện nghiêm các nội dung sau:

1. Chấp hành nghiêm Quyết định số 310/QĐ-XPHC ngày 13/11/2024 của Chánh thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai.

2. Khắc phục sai phạm nêu tại khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này như sau:

- Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.2 khi có phát sinh.

- Khắc phục các sai phạm nêu tại điểm 2.1, 2.3, 2.4 và 2.5 trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Người đại diện theo pháp luật chỉ đạo, tổ chức thực hiện các kiến nghị tại Kết luận thanh tra này và niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

2. Báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các kiến nghị nêu tại Mục VI Kết luận thanh tra kèm theo tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động -



Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 31/12/2024.

3. Giao phòng Giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra thuộc Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, đôn đốc thực hiện các kiến nghị nêu tại Kết luận thanh tra này; tổng hợp, báo cáo Chánh thanh tra theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Sở LĐTBXH tỉnh Đồng Nai (để biết);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Anh Tuấn